



LAND FRAGMENTATION AND INCOME FROM AGRICULTURAL ACTIVITIES: A STUDY OF RURAL HOUSEHOLDS IN VIETNAM

Ta Thi Hiep^{1*}

¹Van Lang University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi4.343</p> <p><i>Received:</i> October 25, 202</p> <p><i>Accepted:</i> March 14, 2023</p> <p><i>Published:</i> August 25, 2023</p> <p>Keywords: Household income; Instrumental variable; Land fragmentation; Vietnam.</p>	<p>Land fragmentation is a bottleneck in agricultural development in the direction of large-scale application of modern science and technology because of the use of more labor and reduced agricultural productivity. The study uses an instrumental variable regression model to assess the impact of land fragmentation on agricultural income of Vietnamese households during 2014 and 2016. The results show that land fragmentation has a negative impact on agricultural household income in rural Vietnam at 19,24%. At the same time, a number of models of land concentration and accumulation show the effectiveness of reducing land fragmentation on the lives of farmers. Some recommendations are given such as encouraging households to reduce fragmentation, increasing land concentration according to models; continuing to innovate land policies, ensuring land planning and building a land bank to minimize fragmentation.</p>

*Corresponding author:

Email: hiep.tt@vlu.edu.vn



PHÂN MẢNH ĐẤT ĐAI VÀ THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP: NGHIÊN CỨU HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN VIỆT NAM

Tạ Thị Hiệp^{1*}

¹Trường Đại học Văn Lang

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi4.343</p> <p>Ngày nhận: 25/10/2022</p> <p>Ngày nhận lại: 14/03/2023</p> <p>Ngày đăng: 25/08/2023</p> <p>Từ khóa: Biến công cụ; Phân mảnh đất đai; Thu nhập hộ gia đình; Việt Nam.</p>	<p>Phân mảnh đất đai đang là điểm nghẽn trong phát triển nông nghiệp theo hướng quy mô lớn ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại bởi việc sử dụng nhiều lao động hơn, năng suất nông nghiệp giảm. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy với biến công cụ nhằm đánh giá mức độ tác động của phân mảnh đất đai đến thu nhập nông nghiệp của hộ gia đình Việt Nam trong thời gian hai năm 2014 và 2016. Kết quả cho thấy rằng, phân mảnh đất đai có tác động tiêu cực lên thu nhập của hộ gia đình nông nghiệp ở khu vực nông thôn Việt Nam ở mức 19,24%. Đồng thời, một số mô hình tập trung, tích tụ đất đai cho thấy được hiệu quả của việc giảm phân mảnh đất đai đến đời sống của người nông dân. Một số khuyến nghị đưa ra như khuyến khích hộ gia đình giảm phân mảnh, tăng tập trung đất đai theo các mô hình; tiếp tục đổi mới chính sách về đất đai, công tác quy hoạch cần đảm bảo chất lượng và xây dựng ngân hàng đất đai nhằm giảm thiểu mức độ phân mảnh.</p>

1. Giới thiệu

Đất đai đóng vai trò quan trọng trong sản xuất, kinh doanh để mang lại nguồn thu nhập, giúp tiếp cận thị trường tài chính dễ dàng hơn và là công cụ giảm thiểu tác động của thiên tai, cú sốc và mang lại giá trị về kinh tế, chính trị, xã hội. Sự thành công của nền kinh tế quốc gia có sự đóng góp của sự phát triển nông nghiệp và chuyển đổi thành phần kinh tế (Nguyen Huy,

2014). Những hoạt động phi nông nghiệp gần đây đang góp phần gia tăng thu nhập đáng kể của hộ gia đình nông thôn Việt Nam làm cho khu vực nông nghiệp đối diện với những thách thức về tính hiệu quả, công bằng và bền vững (Adams, 2012). Một thực trạng đang diễn ra ở các nước đang phát triển là đất đai bị phân mảnh trở nên manh mún (Marsh và cộng sự, 2007) và trở thành điểm nghẽn cho năng suất cây trồng và hiện đại hoá nông nghiệp. Nhiều nghiên cứu cho thấy được phân mảnh đất đai cần sử dụng nhiều lao động hơn, năng suất nông nghiệp giảm (Nguyen Huy, 2014; Jha và

*Tác giả liên hệ:

Email: hiiep.tt@vlu.edu.vn

cộng sự, 2005; Austin và cộng sự, 2012); nhưng cũng mang lại lợi ích như giảm rủi ro về sâu bệnh, thiên tai, linh hoạt trong luân canh cây trồng, dễ dàng thế chấp hay chuyển nhượng, thuận tiện quản lý (Marsh và cộng sự, 2007).

Bên cạnh đó, việc tập trung đất đai cũng là một yếu tố quyết định trong việc phát triển nông nghiệp theo hướng quy mô lớn (Nguyen Huy, 2014). Đồng thời, chính phủ đã và đang tập trung các nghiên cứu, đầu tư công và các chương trình hỗ trợ tài chính trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả và bền vững. Thực tế nghiên cứu đang gặp phải những vấn đề từ phía hộ gia đình nông thôn cũng như quy định của chính sách đất đai. Nghiên cứu này tập trung phân tích tác động của phân mảnh đất đai đến thu nhập từ nông nghiệp của hộ gia đình nông thôn Việt nam; đồng thời, đánh giá hiệu quả một số mô hình tập trung, tích tụ đất đai. Trên cơ sở đó, đề xuất những khuyến nghị phù hợp cho chính sách quản lý đất đai cải thiện tình trạng manh mún như hiện nay.

2. Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước

2.1. Cơ sở lý thuyết

Phân mảnh đất đai

Theo Bentley (1987), phân mảnh đất đai là kiểu sở hữu đất đai, mà trong đó có một trang trại duy nhất lại bao gồm nhiều lô đất riêng biệt, thường nằm rải rác trên một diện tích rộng (Binns, 1950); đó là sự phân chia đất đai thành các trang trại nhỏ. Phân mảnh đất đai thường được xem xét dưới hai khía cạnh: (i) việc chia nhỏ đơn vị thành những khoảnh đất nhỏ để khai thác hiệu quả; (ii) đất đai được phân thành nhiều mảnh nhỏ không liền kề nhau cho nhiều hộ (King & Burton, 1982; CIEM, 2012). Theo King và Burton (1982), có nhiều cách đo lường phân mảnh đất đai. Cách đơn giản nhất là đo số lượng mảnh của mỗi hộ đang nắm giữ. Ngoài ra, hai tác giả đưa ra 4 chỉ số khác để đo lường mức độ phân mảnh bao gồm (i) chỉ số Simmons, (ii) chỉ số Januszewski, (iii) chỉ số Igbozurike và (iv) chỉ số Schmook.

Trong nghiên cứu này tập trung sử dụng chỉ số Simmons (1964) nhấn mạnh mối quan hệ giữa số lượng mảnh và diện tích của các mảnh, bỏ qua yếu tố về khoảng cách. Công thức đo lường chỉ số Simmons (FI) dựa trên tổng diện tích bình phương của từng mảnh (a) chia cho bình phương tổng diện tích nông trại (A). nhận giá trị từ 0 đến 1; trong đó, 1 thể hiện việc sở hữu một lô đất và giá trị tiến gần về 0 thể hiện việc phân mảnh cao.

$$FI = \frac{\sum a^2}{A^2} \quad (1)$$

Phân mảnh đất đai có thể bị tác động bởi nhiều nguyên nhân mà được tóm lại thành 4 nhóm chính: văn hóa xã hội, kinh tế, lý tính và quá trình sử dụng (King & Burton, 1982). Theo King và Burton (1982), nhiều nghiên cứu đã khẳng định việc phân mảnh đất đai có những tác động tiêu cực lên hoạt động sản xuất nông nghiệp. Thứ nhất, trích từ Sargent (1952), phân mảnh đất đai là một nhân tố duy nhất kìm hãm việc gia tăng năng suất nông nghiệp ở Pháp. Thứ hai, chi phí kinh tế từ việc phân mảnh đất đai theo nghiên cứu của Binns (1950). Cuối cùng, gia tăng lượng người tham gia trong quá trình thực thi quyết định ở từng diện tích đất riêng biệt. Theo Bentley (1987), những bất lợi trong phân mảnh đất đai gồm ba yếu tố như: (i) gia tăng chi phí về khoảng cách giữa các mảnh đất, (ii) khó khăn trong tưới tiêu và thoát nước theo quy mô lớn, (iii) khó tiếp cận đường xá, chi phí tăng bởi việc rào chắn, “hiện tượng lan truyền” dịch bệnh. Bên cạnh những khó khăn, một số nghiên cứu cho thấy phân mảnh đất đai cũng có những thuận lợi trong việc quản lý rủi ro, thay đổi cây trồng và đa dạng hệ sinh thái (Demetriou, 2012).

Thu nhập của nông hộ và các nhân tố ảnh hưởng

Theo định nghĩa của Tổng cục Thống kê (2010), “Thu nhập của hộ là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật quy thành tiền sau khi đã trừ chi phí sản xuất mà hộ và các thành viên của hộ nhận được trong một thời gian nhất định, thường là 1 năm”. Thu nhập của hộ bao gồm

tiền công, tiền lương, thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (sau khi đã trừ chi phí và thuế sản xuất); thu nhập từ sản xuất ngành nghề phi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (sau khi đã trừ chi phí và thuế sản xuất); thu khác được tính vào thu nhập như thu cho, biểu mừng, lãi tiết kiệm,... Theo nghiên cứu của Nguyễn Lan Duyên (2014) và Lê Đình Hải (2017); Demurger và cộng sự (2010); Janvry và Sadoulet (2001); Klasen và cộng sự (2012); Marsh và cộng sự (2007); Yang (2004), Yu và Zhu (2013), thu nhập của nông hộ chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bao gồm (1) vốn, (2) đất đai, (3) trình độ học vấn, (4) số lao động, (5) khả năng đa dạng hoá thu nhập và (6) cơ hội tiếp cận thị trường.

2.2. Lược khảo nghiên cứu trước

Nghiên cứu về phân mảnh đất đai tập trung vào những tác động đến sản xuất nông nghiệp như Lu và cộng sự (2018), Jha và cộng sự (2005), Looga và cộng sự (2018), Austin và cộng sự (2012), Deininger và cộng sự (2012) cho thấy, phân mảnh làm giảm năng suất, giảm hiệu quả áp dụng kỹ thuật, không có lợi ích kinh tế theo quy mô, kém hiệu quả trong sử dụng lao động. Một khía cạnh khác, đa dạng hoá sản xuất hay bỏ hoang đất đai là hướng nghiên cứu khác về phân mảnh đất đai như Ciaian và cộng sự (2018), Sikor và cộng sự (2009) đã thực hiện ở Albania. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mối quan hệ mật thiết giữa đa dạng hoá sản xuất với phân mảnh đất đai.

Tại Việt Nam, Nguyen Huy (2014) sử dụng dữ liệu Mức sống hộ gia đình (VHLSS) năm 2004 và 2006 đo lường mức độ phân mảnh và kết quả cho thấy, phân mảnh gây tác động tiêu cực lên việc sử dụng nguồn lực, giảm năng suất sản xuất. Tuy nhiên, nghiên cứu Nguyen Huy (2014) chưa kiểm soát được các biến nội sinh trong mô hình. Với góc nhìn tác động lên thu nhập, Tran và Vu (2019) sử dụng bộ dữ liệu VHLSS để đo lường mức độ ảnh hưởng của phân mảnh lên thu nhập của hộ gia đình nhưng chỉ dữ liệu một năm nên chưa kiểm soát được sự chênh lệch về thu nhập.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình (VARHS) năm 2014, 2016 do Tổng cục Thống kê thực hiện. Việc sử dụng dữ liệu 02 năm nhằm khắc phục những sai biệt trong đánh giá mức độ tác động của phân mảnh đất đai lên thu nhập của hộ đồng thời khắc phục những đặc tính cố định không thay đổi qua thời gian của những biến không quan sát được.

Phương pháp định tính. Trình bày các mô hình tập trung, tích tụ đất đai như mô hình kinh tế trang trại, dồn điền đổi thửa, hợp tác xã và cánh đồng mẫu lớn cho thấy được hiệu quả của việc giảm phân mảnh đất đai. Từ đó, đưa ra những đề xuất giải pháp nhằm giảm thiểu phân mảnh đất đai của hộ gia đình nông thôn Việt Nam.

Phương pháp định lượng: Nhằm đánh giá kết quả nghiên cứu, tác giả thực hiện mô hình OLS cho dữ liệu gộp (pooled OLS), mô hình tác động cố định (FEM) và mô hình biến công cụ (IV) khi sử dụng dữ liệu bảng. Xét về tập quán sử dụng đất của nước ta, việc sở hữu đất đai giúp tăng khả năng tiếp cận tín dụng, xoá đói giảm nghèo. Ngược lại, khi thu nhập hộ càng tăng, cơ hội tái đầu tư cũng tăng theo (Deineinger, 2012). Do vậy, việc xem xét tác động nhân quả của việc phân mảnh đất đai đến thu nhập từ nông nghiệp của hộ có thể xảy ra trường hợp nội sinh trong mô hình. Để khắc phục vấn đề nội sinh, biến quy mô hộ được lựa chọn làm biến công cụ bởi theo lịch sử và thói quen canh tác, tư duy giữ đất làm của để dành, tài sản sẵn có cho con cháu đời sau (Trường Giang, 2019). Do đó, hộ càng đông người thì tỷ lệ phân mảnh càng cao.

Mô hình nghiên cứu: Dựa trên các nghiên cứu trước, để đánh giá được mức độ tác động của phân mảnh đối với thu nhập của hộ gia đình Việt Nam, mô hình được đề xuất trong nghiên cứu:

$$\ln \text{incc}_{ij} = b_0 + b_1 X_{ij} + b_2 C_{ij} + e_{ij} \quad (7)$$

$$\text{Và} \quad SI_{ij} = b_0 + b_1 X_{ij} + b_2 C_{ij} + e_{ij} \quad (8)$$

Trong đó:

$Lnainc_{ij}$ là logarit cơ số tự nhiên của thu nhập bình quân của hộ gia đình thứ i của năm j ;

X_{ij} là vectơ đặc điểm hộ gia đình như dân tộc, giáo dục, giới tính và tuổi của chủ hộ, quy mô hộ, tỷ lệ phụ thuộc;

SI_{ij} là chỉ số phân mảnh đất đai của hộ i năm j ;

C_{ij} là vectơ đo lường biến xã để kiểm soát các đặc điểm kinh tế xã hội và đặc điểm tự nhiên của xã i năm j ;

e_{ij} là sai số đo lường.

Mô tả biến sử dụng trong mô hình (*xem Phụ lục 1 online*).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả đánh giá mô hình tập trung, tích tụ đất đai ở Việt Nam

Theo CIEM (2017), các hình thức tích tụ đất đai hiện nay gồm 4 hình thức: (i) lập trang trại

có quy mô từ nhỏ đến lớn; (ii) thông qua đơn điền đổi thửa với mục tiêu phát triển kinh tế hộ gia đình; (iii) tích tụ ruộng đất theo hình thức tự nguyện góp đất, vốn hình thành các hợp tác xã và (iv) thông qua hợp đồng liên kết doanh nghiệp tạo nên chuỗi giá trị hàng nông sản.

Mô hình kinh tế trang trại

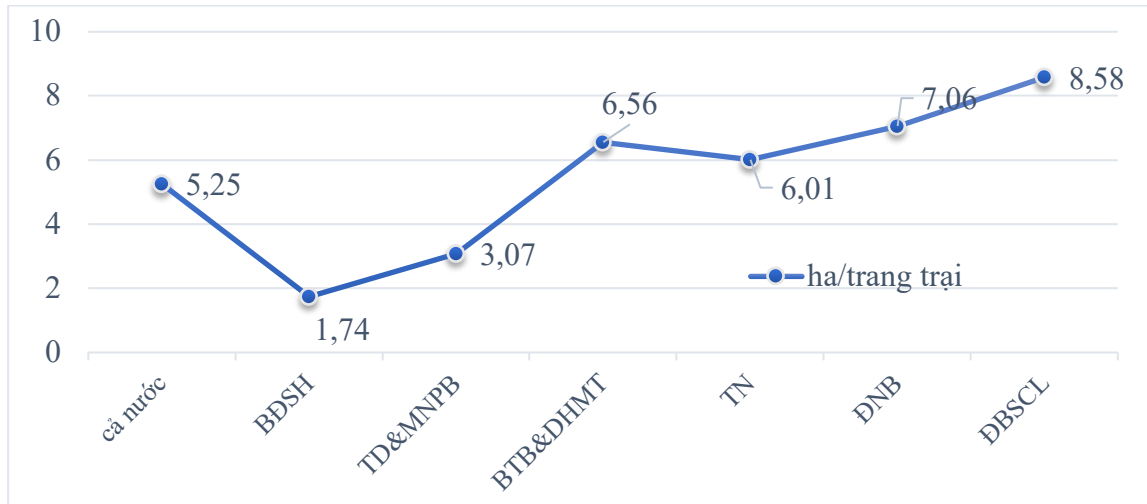
Thống kê số trang trại theo vùng ở Bảng 1 cho thấy, số lượng trang trại có sự gia tăng từ năm 2011 (20.028) đến năm 2016 (33.477). Tương tự, số trang trại có sự gia tăng mang tính đặc thù của từng vùng; trong đó, ĐBSCL (Đồng bằng Sông Cửu Long) là vùng có số trang trại nhiều nhất năm 2011 với 6.267 trang trại và TD&MNPB (Trung du và miền núi phía Bắc) có 590 trang trại chiếm tỷ lệ thấp nhất với 2,95%. Đến 2016, Đông Nam Bộ (Đông Nam Bộ) vượt lên với 6.792 trang trại chiếm vị trí cao nhất và thấp nhất vẫn là TD&MNPB với tỷ lệ có sự tăng lên là 8,36%.

Bảng 1. Số trang trại phân theo vùng

	2011		2016	
	Số trang trại	Tỷ lệ (%)	Số trang trại	Tỷ lệ (%)
Cả nước	20.028	100	33.477	100
BĐSH	3.511	17,53	9.946	29,71
TD&MNPB	590	2,95	2.800	8,36
BTB&DHMT	1.745	8,71	3.627	10,83
TN	2.528	12,62	4.042	12,07
Đông Nam Bộ	5.387	26,90	6.792	20,29
ĐBSCL	6.267	31,29	6.270	18,73

Trong đó, diện tích trung bình một trang trại cũng có sự biến động giữa các vùng. Với đặc thù của ĐBSH (Đồng bằng Sông Hồng), diện tích bình quân chỉ có 1,74 ha/trang trại, đây là vùng có diện tích bình quân thấp nhất

cả nước. Ngược lại, ĐBSCL với diện tích bình quân 8,58 ha/trang trại là khu vực có diện tích bình quân cao nhất cả nước. Kết quả này được thống kê vào năm 2016 của Tổng cục Thống kê.

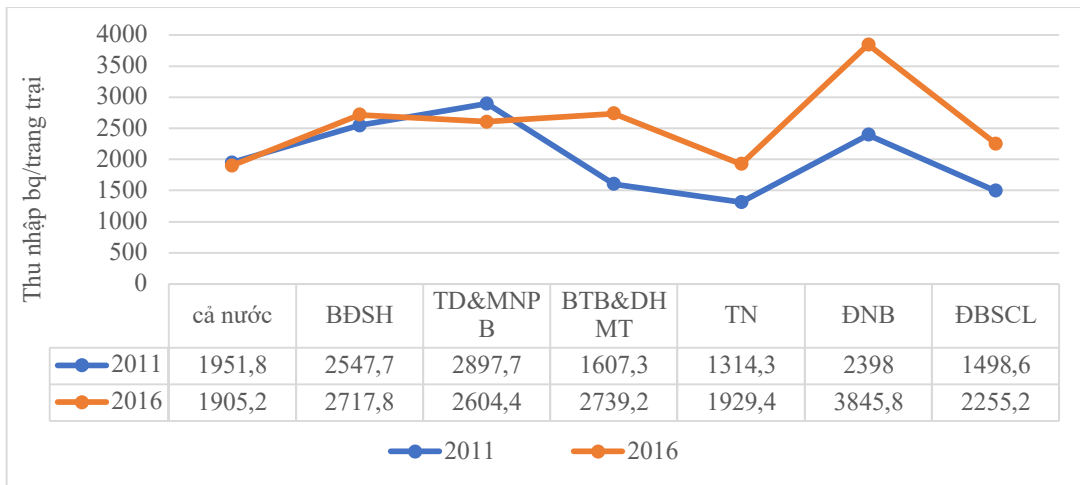


Hình 1. Diện tích bình quân của một trang trại theo vùng

Nguồn: Tổng cục Thống kê – Số liệu Tổng điều tra Nông Lâm Thủy sản 2016

Mô hình trang trại cho thấy hiệu quả kinh tế mang đặc trưng theo từng khu vực. Như kết quả ở Hình 1, khu vực Đông Nam Bộ là vùng phù hợp với mô hình trang trại khi thu nhập bình quân mỗi trang trại tăng từ 2.398 triệu

đồng năm 2011 lên 3.845,8 triệu đồng năm 2016, tăng 1,6 lần. Ngược lại, TD&MNPB thu nhập bình quân theo từng trang trại năm 2016 là 2.604,4 triệu đồng giảm hơn so với năm 2011 là 2.897,7 triệu đồng.



Hình 2. Thu nhập bình quân của một trang trại theo vùng (triệu đồng)

Ngoài ra, phát huy từ hiệu quả của mô hình trang trại, năm 2019 mô hình Sharefarm – mô hình trang trại 4.0 ở Hà Nội với sự góp vốn của các hộ gia đình, tự chi trả chi phí hoạt động và nhận về sản phẩm với giá gốc, giảm bớt chi phí trung gian; hơn nữa, còn cung cấp cho hơn 300 hộ gia đình trên diện tích 9 ha (Dương An Như, 2019).

Mô hình kinh tế trang trại đã và đang phát huy những lợi thế từ việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, thúc đẩy áp dụng khoa học, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho nông dân, tạo ra các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, góp phần vào công tác xây dựng nông thôn mới (Nguyễn Duy Lượng, 2020).

Mô hình đồn điền đổi thửa

Mô hình đồn điền đổi thửa là chủ trương của Nhà nước nhằm giải quyết tình trạng manh mún đất đai thông qua Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; trong đó, đồn điền đổi thửa là một phần quan trọng. Mô hình đồn điền đổi thửa gặt hái được nhiều thành công ở các tỉnh như Hà Nội, Hoà Bình, Thái Nguyên và nhiều địa phương khác.

Theo Thống kê của Sở NN&PTNT Hà Nội, năm 2017 diện tích đồn điền đổi thửa đạt 79.183,1/75.980,1 ha; vượt kế hoạch đặt ra là 3.673,5 ha. Sau chuyển đổi, việc đẩy mạnh các mô hình canh tác vườn – ao – chuồng (VAC), trồng rau an toàn, chăn nuôi xa khu dân cư, cây cảnh, với giá trị thu nhập tăng lên so với sản xuất lúa truyền thống 25-30%. (Diệu Anh, 2018)

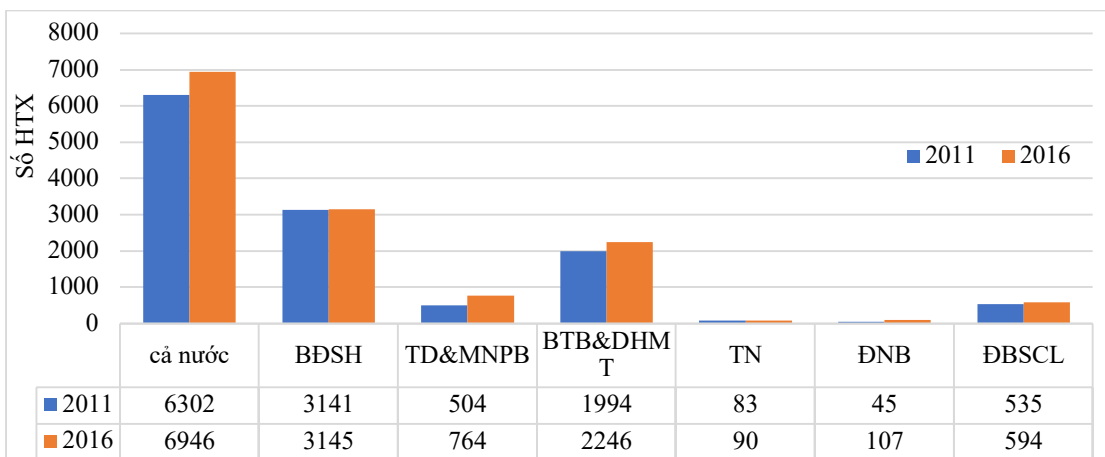
Thái Nguyên với thành công của mô hình, hiệu quả sản xuất với quy mô lớn mang lại giá

trị cao hơn, tăng gần 42 triệu đồng/ha so với trước đây; đồng thời, giảm chi phí đầu vào vì tiết kiệm 50% giống, làm đất và thu hoạch từ 2,5-2,7 triệu đồng/ha (Thế Bình, 2018).

Đối với Hoà Bình, theo Nhan Sinh (2018), năm 2013 bước đầu thực hiện đồn điền đổi thửa và được sự vào cuộc của chính quyền, mô hình đã đạt được niềm tin của người dân và cho thấy hiệu quả khi người dân tiết kiệm thời gian, giảm chi phí trên 3 triệu đồng/ha so với phương pháp canh tác thủ công với quy mô nhỏ lẻ, manh mún trước đây.

Mô hình hợp tác xã (HTX)

Tính trên cả nước, đến năm 2016 có 6.946 HTX; trong đó, ĐBSH chiếm số lượng nhiều nhất với 3.145 HTX và thấp nhất là khu vực Tây Nguyên với 90 HTX. Số HTX có sự biến động nhẹ so với năm 2011 với số lượng tăng 644 HTX trên cả nước.



Hình 3. Số hợp tác xã phân theo vùng

Một số mô hình ở ĐBSH và ĐBSCL cho thấy, hiệu quả như cơ cấu chuỗi giá trị gia tăng đến 60-62%, thu nhập nông dân tăng lên từ 1,1 đến 1,3 lần. Hơn nữa, vận dụng thành quả của các HTX trước, một số vận dụng theo phương pháp mới, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất, thực hành VietGAP, GlobalGAP giúp nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong nước (Hoàng Long, 2018).

Mô hình Canh đồng mẫu lớn

Mô hình canh đồng mẫu lớn đầu tiên được triển khai và áp dụng ở ĐBSCL, tại An Giang do Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật An Giang thực hiện từ năm 2010, đến nay đã trở thành một trong những điển hình tiêu biểu nhất trong việc thực hiện chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đến tháng 7/2016, cả

nước có tổng số 2.262 cánh đồng lớn, trong đó ĐBSH có 705 cánh đồng, chiếm 31,2% số cánh đồng; TDMNPB (Trung du miền núi phía Bắc) có 176 cánh đồng, chiếm 7,8%; BTB&DHMT (Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung) có 675 cánh đồng, chiếm 29,8%; TN (Tây Nguyên) có 83 cánh đồng, chiếm 3,7%; Đông Nam Bộ có 43 cánh đồng, chiếm 1,9%; ĐBSCL có 580 cánh đồng chiếm 25,6%. (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2018)

Những đặc trưng cơ bản của “Cánh đồng mẫu lớn” là sự liên kết của 4 nhà bao gồm: (i) Nhà nước, (ii) Doanh nghiệp, (iii) Nông dân và (iv) Nhà khoa học. Mục tiêu của sự liên kết là giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất nông nghiệp và sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

Dựa trên Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), các mô hình chuỗi liên kết cung ứng, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã khẳng định được tính hiệu quả và cần nhân rộng, phát triển khắp cả nước. Kết quả cho thấy diện tích thực hiện cánh đồng mẫu lớn của 13 tỉnh ĐBSCL năm 2015 là 196.087 ha, tăng 57.112 ha so với diện tích thực hiện năm 2014 với tỷ lệ 14,1% (cho cả 3 vụ). Trong tham luận, những lợi ích từ việc thực hiện cánh đồng mẫu lớn: (1) tăng thu nhập cho nông dân nhờ vào việc tăng năng suất, giảm chi phí, lợi nhuận tăng lên từ 2,2-7,5 triệu đồng/ha; (2) tạo ra tính cộng đồng và sự đồng đều tạo nên mặt bằng chung về chất lượng sản phẩm, năng suất; (3) các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào đảm bảo chất lượng đầu vào, chủ động, kịp thời, giá cả hợp lý cùng với sự tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật; (4) giảm chi phí sản xuất; (5) thúc đẩy cơ giới hoá với quy mô lớn, cải tạo mở rộng đường nội đồng, sử dụng các thiết bị máy móc có công suất lớn, sử dụng chung trạm bơm điện để tưới tiêu đảm bảo tính đồng bộ; (6) bảo vệ môi trường và giảm phát thải; (7) đảm bảo lượng sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường; (8) tạo cơ hội thuận lợi cho sự cạnh tranh trong và ngoài nước trong thời kỳ hội nhập; (9) tư duy của người nông dân thay đổi, hình thành người nông dân mới với sản xuất nông nghiệp gắn với thị trường, doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích

không chỉ cá nhân mà còn đảm bảo lợi ích xã hội, cộng đồng, người tiêu dùng và môi trường tương lai.

Thảo luận kết quả thực hiện các mô hình tập trung, tích tụ đất đai ở Việt Nam

Để giảm phân mảnh đất đai, việc đầu tiên cần quan tâm là tiếp tục thực hiện và mở rộng các mô hình tập trung, tích tụ đất đai bao gồm: mô hình trang trại, dồn điền đổi thửa, hợp tác xã và cánh đồng mẫu lớn. Một nút thắt then chốt trong việc thực hiện các mô hình này là niềm tin của người dân vào doanh nghiệp, vào chủ trang trại hay chính quyền trong việc xác định quyền lợi của các hộ nông dân. Trong đó, GCNQSDĐ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là một trong những công cụ giải quyết mọi vướng mắc. Do đó, công tác cấp GCNQSDĐ cần được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo lợi ích, quyền lợi của người sử dụng đất. Tiếp theo, công tác đo đạc, cập nhật chính lý biến động đất đai cần được đảm bảo quy định để tránh tình trạng nông dân nhận “thửa mới” nhưng “giấy tờ cũ”. Mặt khác, cần tiếp tục khuyến khích, phát huy các chính sách hỗ trợ vay vốn, miễn giảm thuế đối với các giao dịch chuyển nhượng phục vụ cho việc thực hiện các mô hình tập trung đất đai. Một nhiệm vụ cần thiết là công tác lập quy hoạch phục vụ phát triển nông nghiệp cần đảm bảo chiến lược phát triển kinh tế, công khai, minh bạch và nghiêm túc. Bên cạnh đó, quy định hạn điền trong Luật đất đai 2013 cần được xem xét để tháo gỡ điểm nghẽn đối với hoạt động phát triển nông nghiệp theo hướng quy mô lớn, áp dụng khoa học công nghệ.

Ngoài ra, xây dựng ngân hàng đất đai cũng được xem là một phương án tạo quỹ đất quy mô lớn phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Cơ chế hoạt động của ngân hàng đất đai này tương tự với ngân hàng tài chính. Đó là trung tâm nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân sau đó cho thuê lại để sản xuất nhằm hưởng lợi ích cao hơn so với việc canh tác manh mún, hiệu quả thấp và người dân sau một thời hạn thoả thuận theo từng dự án có thể nhận lại đất. Ngân hàng đất đai đã và đang được sự quan tâm cả trong và ngoài nước (Fitzpatrick, 2009; Ngoc, 2019; Đỗ Hoài Nam, 2017).

Tuy nhiên, việc thành lập quỹ đất này cần được nghiên cứu sâu bởi còn nhiều vướng mắc cần được tháo gỡ: (i) Việc định giá đất cho thuê cần được thực hiện độc lập, minh bạch, đảm bảo lợi ích của người nông dân; (ii) Công tác đo đạc ranh giới phải rõ ràng, tạo niềm tin trong việc giao đất; (iii) Đối với những mảnh đất liền kề nhưng hộ gia đình không đồng thuận tham gia, cần có cơ chế khuyến khích để thực hiện tập trung đất đai; (iv) Cần có cơ chế kiểm soát chặt chẽ khi doanh nghiệp hoặc nông dân đơn phương phá vỡ hợp đồng. Đây là điểm khác biệt giữa ngân hàng đất đai và ngân hàng tài chính

khi đất đã được đưa vào mô hình phát triển sản xuất, không thể rút ra được như tiền trong ngân hàng. Do đó, có cơ chế thay đổi, dự phòng trong trường hợp này.

3.2. Ước lượng tác động phân mảnh đất đai đến thu nhập từ hoạt động nông nghiệp của hộ gia đình nông thôn Việt Nam

Để đo lường tác động của phân mảnh đất đai đến thu nhập từ nông nghiệp của hộ gia đình Việt Nam, tác giả sử dụng 3 mô hình: OLS, tác động cố định (FEM) và biến công cụ (IV).

Bảng 2. Kết quả mô hình hồi quy

Biến quan sát	IV	FEM	OLS
	b/se	b/se	b/se
Simpson	-19,2442*** -2,9623	0,4555** -0,1718	0,5399*** -0,0747
hh_gen	1,2977*** -0,2964	-0,0183 -0,1629	0,4080*** -0,0711
hh_mar	-0,1625 -0,2816	-0,2721* -0,1331	-0,2898*** -0,0759
hh_age	0,0088 -0,0059	0,0006 -0,0049	0,0008 -0,0015
hh_edu	-0,0273 -0,0199	0,0149 -0,0104	0,0023 -0,0051
dep_ratio	-0,8348*** -0,1179	-0,1562** -0,0568	-0,3855*** -0,0306
shock	0,4167** -0,1442	-0,0153 -0,0445	0,0933* -0,0367
hh_ethnic	-1,9214*** -0,3426	-0,0518 -0,2348	-0,1227** -0,0455
year		0,1111** -0,0383	
hsize		-0,0246*** -0,0016	-0,0244*** -0,001
Constant	17,7322*** -1,6762	7,2108*** -0,3471	7,1518*** -0,1147
Obs	5617	5617	5617
R2	,	0,1077	0,1572
R2-adj	,	-0,9598	0,1558
df(r)		2557	5607
SSR	132.256,040	1.676,786	9.799,280

Ghi chú: Ký hiệu * thể hiện $p < 0,05$; ** thể hiện $p < 0,01$; *** thể hiện $p < 0,001$; SSR: Sum Square Residual. Biến công cụ trong mô hình là biến chỉ số phân mảnh Simpson

Các kiểm định liên quan thể hiện tại phụ lục 2 online.

3.3. Thảo luận kết quả

Với kết quả hồi quy cho thấy mô hình OLS và mô hình FEM là phù hợp, tuy nhiên, mức độ giải thích của biến phụ thuộc lần lượt là 10,77% và 15,72%. Đồng thời, hai mô hình có hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Vì vậy, tác giả chọn mô hình IV để phân tích kết quả.

Nghiên cứu tập trung đo lường tác động của chỉ số phân mảnh lên thu nhập từ nông nghiệp của hộ gia đình, hệ số tác động biên là -19,24 cho thấy, *mối tương quan nghịch giữa chỉ số phân mảnh và thu nhập từ nông nghiệp của hộ gia đình*. Nếu tỷ lệ phân mảnh tăng lên 1 điểm phần trăm thì tỷ suất thu nhập bình quân từ nông nghiệp của hộ sẽ giảm 19,24% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Tran và Vu (2019) bởi (i) dữ liệu nghiên cứu tập trung phân tích tác động của phân mảnh đến thu nhập từ nông nghiệp của hộ; trong khi đó, nghiên cứu của Tran và Vu (2019) đo lường tác động của phân mảnh lên toàn bộ thu nhập của hộ; (ii) tác giả sử dụng dữ liệu bảng cho nên kiểm soát được tác động của những biến không quan sát được không đổi theo thời gian nên mức độ tác động sẽ cao hơn so với dữ liệu chéo được sử dụng trong nghiên cứu của Tran và Vu (2019).

Nghiên cứu cũng chỉ ra, *giới tính của chủ hộ có tác động lên thu nhập từ nông nghiệp của hộ* với hệ số tác động biên là 1,29 cho thấy, mối quan thuận giữa giới tính của chủ hộ và thu nhập nông nghiệp của hộ gia đình. Nếu chủ hộ là nam thì thu nhập về nông nghiệp của hộ cao hơn 129% so với chủ hộ là nữ trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước của Tran và Vu (2019), Nguyen Huy (2014), Lu và cộng sự (2018), Austin và cộng sự (2012). Ở Việt Nam, dữ liệu nghiên cứu có đến 79,57 chủ hộ là nam cho thấy được vai trò của nam giới quan trọng trong hoạt động nông nghiệp, ngành nghề đòi hỏi cao về sức lao động; ngược lại, nữ giới sẽ lựa chọn công việc mang tính đặc thù hơn như công việc dịch vụ, may mặc,...

Kết quả hơn 30% có tỷ lệ phụ thuộc lớn hơn 1 chỉ ra rằng, những người trong độ tuổi lao

động đang phải chia sẻ thu nhập cho những thành viên khác trong hộ. Kết quả hồi quy với số người phụ thuộc/số lao động trong hộ (tỷ lệ phụ thuộc) có hệ số tác động biên là -0,8348, có nghĩa nếu tỷ lệ phụ thuộc tăng lên 1 đơn vị thì tỷ suất thu nhập của hộ giảm 83,48% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước của Tran và Vu (2019), Nguyen Huy (2014), Lu và cộng sự (2018), Austin và cộng sự (2012).

Với đặc thù thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thời tiết bất thường, nghiên cứu xem xét mức độ tác động của thiên tai đến thu nhập nông nghiệp của hộ gia đình, kết quả cho thấy mối quan hệ tương quan thuận khi hệ số tác động biên là 0,4167; điều này nói lên rằng hộ gia đình có chịu tác động bởi thiên tai thì tỷ suất thu nhập của hộ cao hơn 41,67% so với hộ không chịu tác động bởi thiên tai. Kết quả này trái với kỳ vọng nhưng phù hợp với nghiên cứu của Nguyen Huy (2014), Tran và Vu (2019) vì thực tế ở nước ta, các hộ gia đình sẽ được hỗ trợ từ Nhà nước để bù đắp một phần thu nhập mất mát do thiên tai.

Nước ta với đa sắc tộc, văn hoá khác nhau cho nên biến dân tộc của hộ gia đình được đưa vào mô hình để đánh giá mức độ tác động, kết quả người Kinh có tỷ suất thu nhập nông nghiệp thấp hơn so với các dân tộc còn lại khi hệ số tác động biên là -1,9214. Điều này cho thấy, nếu hộ là người Kinh sẽ có thu nhập thấp hơn 192,14% so với hộ dân tộc khác, kết quả tương quan với nghiên cứu của Tran và Vu (2019) bởi thu nhập của người Kinh chủ yếu đến từ các ngành nghề sản xuất, dịch vụ.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Mô hình hồi quy với biến công cụ đo lường được tác động của phân mảnh đất đai đối với thu nhập của hộ gia đình ở Việt Nam. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, chỉ số phân mảnh tăng lên 1% thì tỷ suất thu nhập bình quân của hộ giảm 19,24%. Nói cách khác, hộ với tỷ lệ phân mảnh cao có thu nhập càng giảm mạnh, tương đồng với nghiên cứu của Tran và Vu (2019), Nguyen Huy (2014). Bên cạnh đó,

kết quả hồi quy dữ liệu bảng cho thấy, giới tính của chủ hộ, tuổi của chủ hộ, tỷ lệ phụ thuộc, hộ là người Kinh và hộ có chịu tác động của thiên tai có ảnh hưởng đến thu nhập nông nghiệp của hộ gia đình với mức ý nghĩa 5% và phù hợp với các kết quả của các nghiên cứu trước.

Kết quả cho thấy được tác động của phân mảnh làm giảm tỷ suất thu nhập từ nông nghiệp. Bên cạnh đó, các mô hình tập trung, tích tụ đất đai cho thấy được những hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp như mô hình kinh tế trang trại, mô hình đồn điền đổi thửa, mô hình hợp tác xã, mô hình cánh đồng mẫu lớn. Trong đó, kết quả của Công ty Bảo vệ thực vật An Giang năm 2012 cho thấy nông dân sẽ tiết kiệm được 1.236 đồng/kg lúa (giá 2012) tương đương với 1.486 đồng/kg lúa (giá 2018) và năng suất lúa ở Trà Vinh đạt hơn 7 tấn/ha, cao hơn 1 (một) tấn/ha so với hộ ngoài mô hình khi áp dụng mô hình cánh đồng mẫu lớn.

Một số giải pháp giúp giảm phân mảnh đất đai được đề xuất: (i) hộ gia đình nông thôn cần thay đổi thói quen canh tác khi các hộ gia đình thường chia nhỏ thửa đất cho các con, gây tình trạng manh mún đất đai (ii) chính quyền địa phương cần khuyến khích hộ gia đình thông qua các mô hình trang trại, đồn điền đổi thửa, hợp tác

xã và cánh đồng mẫu lớn thông qua cơ chế đảm bảo nguồn giống, phân bón và chính sách bao tiêu nhằm tạo niềm tin cho hộ tham gia sản xuất (iii) chính phủ tiếp tục đổi mới chính sách đất đai về hạn mức sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và minh bạch hoá cơ sở dữ liệu đất đai. Quy định về hạn mức giao đất là một cơ chế gây ách tắc trong quá trình tập trung đất đai; bên cạnh, những thông tin quy hoạch chưa được truyền tải rộng rãi, phù hợp với trình độ của người dân tạo ra thông tin bất cân xứng, gây thất bại trong triển khai chính sách đất đai. Hơn nữa, việc học tập kinh nghiệm của các nước trong việc tạo ra ngân hàng đất đai, thúc đẩy hoạt động phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Nghiên cứu còn tồn tại một số hạn chế bao gồm (i) dữ liệu sử dụng năm 2014 và 2016, chưa mang tính cập nhật; (ii) chỉ tập trung phân tích số thửa mỗi hộ đang sử dụng mà chưa xem xét đến việc canh tác liên kế trên thực tế. Đây là hướng nghiên cứu cho các đề tài tiếp theo.

Lời cảm ơn

Để có được bài báo này, tôi chân thành cảm ơn sự hướng dẫn của thầy Đỗ Thiên Anh Tuấn, thầy cô và các bạn học của trường Đại học Fulbright Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Adams, C. (2012). *Land reform, livelihoods and poverty in Vietnam*. <https://data.opendevelopmentmekong.net/dataset/4cb985ad-652f-4437-9acb-a87e5d75c64e/resource/a10a941c-67ec-4f49-bdb1-1d9d803dea87/download/adams-2012-land-reform-livelihoods-and-poverty-in-vietnam.pdf>
- Austin, O. C., Ulunma, A. C., & Sulaiman, J. (2012). Exploring the link between land fragmentation and agricultural productivity. *International Journal of Agriculture and Forestry*, 2(1), 30-34. <http://article.sapub.org/10.5923/j.ijaf.20120201.05>
- Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2015). *Hiệu quả từ cánh đồng mẫu lớn*. <https://dangcongsan.vn/chung-suc-xay-dung-nong-thon-moi/tin-tuc-su-kien/hieu-qua-tu-mo-hinh-can-dong-mau-lon-308033.html>
- Bentley, J. W. (1987). Economic and ecological approaches to land fragmentation: in defense of a much-maligned phenomenon. *Annual Review of Anthropology*, 16(1), 31-67. <https://doi.org/10.1146/annurev.an.16.100187.000335>
- Binns, B.O. (1950). *The consolidation of fragmented agricultural holdings*. Washington: FAO Agricultural Studies. <https://cir.nii.ac.jp/crid/1130282272040286080>
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2018). *Tình hình tích tụ, tập trung đất đai cho phát triển nông nghiệp; phương thức, mô hình thực hiện và các giải pháp*. <https://baochinhpvu.vn/tinh-hinh-tich-tu-tap-trung-dat-dai-cho-phat-trien-nong-nghiep-102242382.htm>
- Ciaian, P., Guri, F., Rajcaniova, M., Drabik, D., & y Paloma, S. G. (2018). Land fragmentation and production diversification: a case study from rural Albania. *Land Use Policy*, 76(C), 589-599. <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2018.02.039>

- CIEM. (2012). *Phân mảnh đất đai của hộ và phân mảnh đất đai giữa các hộ trong nông nghiệp ở Việt Nam*. <http://ciem.org.vn/Portals/1/CIEM/IndepthStudy/2012/13518419010000.pdf>
- CIEM. (2017). *Các hình thức tích tụ, tập trung ruộng đất trong nông nghiệp: Vấn đề và giải pháp*. <http://ciem.org.vn/Content/files/VNEP/Cachinhthuctichuruongdat.pdf>
- De Janvry, A., & Sadoulet, E. (2001). Income strategies among rural households in Mexico: The role of off-farm activities. *World Development*, 29(3), 467- 480. [https://doi.org/10.1016/S0305-750X\(00\)00113-3](https://doi.org/10.1016/S0305-750X(00)00113-3)
- Deininger, K., Savastano, S., & Carletto, C. (2012). Land fragmentation, cropland abandonment, and land market operation in Albania. *World Development*, 40(10), 2108-2122. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2012.05.010>
- Demetriou, D., Stillwell, J., & See, L. (2012). An integrated planning and decision support system (IPDSS) for land consolidation: Theoretical framework and application of the land-redistribution modules. *Environment and Planning B: Planning and Design*, 39(4), 609-628. doi:10.1068/b37075
- Demurger S., Fournier M., Yang W. (2010), “Rural Households’ Decisions towards Income Diversification: Evidence from a Township in Northern China”, *China Economic Review* 457, pp.1-13
- Diệu Anh (2018). Công tác dồn điền, đổi thửa góp phần xây dựng nông thôn mới. *Cổng thông tin điện tử Chính phủ Thủ đô Hà Nội*. <http://thanglong.chinhphu.vn/cong-tac-don-dien-doi-thua-gop-phan-xay-dung-nong-thon-moi>
- Đỗ Hoài Nam (2017). Tích tụ và tập trung ruộng đất để đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, (11), 5. <http://tapchikhxh.vass.gov.vn/tich-tu-va-tap-trung-ruong-dat-de-day-manh-lien-ket-giua-doanh-nghiep-va-nong-dan-n50172.html>
- Dương An Như (2019). Mô hình nông trại độc, lạ đầu tiên ở Việt Nam. *Kinh tế nông thôn*. <https://kinhtenongthon.vn/mo-hinh-nong-trai-doc-la-dau-tien-o-viet-nam-post25369.html>
- Fitzpatrick, T. J. (2009). Understanding Ohio’s Land Bank Legislation. *FRB of Cleveland Policy Discussion Paper*, (25). <https://www.clevelandfed.org/publications/policy-discussion-papers/2009/pdp-0925-understanding-ohios-land-bank>
- Hoàng Long (2018). Xây dựng HTX nông nghiệp kiểu mới gắn với nông thôn mới và cơ cấu lại ngành nông nghiệp. *Báo Nhân dân*. <https://nhandan.com.vn/kinhte/item/36368502-xay-dung-hop-tac-xa-nong-nghiep-kieu-moi-gan-voi-nong-thon-moi-va-co-cau-lai-nganh-nong-nghiep.html>
- Jha, R., Nagarajan, H. K., & Prasanna, S. (2005). Land fragmentation and its implications for productivity: evidence from Southern India. https://crawford.anu.edu.au/acde/asarc/pdf/papers/2005/WP2005_01.pdf
- King, R., & Burton, S. (1982). Land fragmentation: notes on a fundamental rural spatial problem. *Progress in Geography*, 6(4), 475-494. <https://doi.org/10.1177/030913258200600401>
- Klasen, S., Priebe, J., & Rudolf, R. (2013). Cash crop choice and income dynamics in rural areas: evidence for post-crisis Indonesia. *Agricultural Economics*, 44(3), 349-364. <https://doi.org/10.1111/agec.12015>
- Lê Đình Hải (2017). Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, số 4, 167-171. <http://elib.vnuf.edu.vn/handle/123456789/4881>
- Looga, J., Jürgenson, E., Sikk, K., Matveev, E., & Maasikamäe, S. (2018). Land fragmentation and other determinants of agricultural farm productivity: The case of Estonia. *Land Use Policy*, 79(C), 285-292. <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2018.08.021>
- Marsh, S. P., MacAulay, T. G., & Văn, P. (2007). *Phát triển nông nghiệp và chính sách đất đai ở Việt Nam*. ACIAR Monograph (123a). <https://www.aciar.gov.au/sites/default/files/legacy/node/770/MN123a.pdf>
- Ngoc, V. B. (2019). Agricultural Development in Japan: Experience and Implications for Vietnam. *VNU Journal of Science: Economics and Business*, 35(1), 36-47. <https://js.vnu.edu.vn/EAB/article/view/4213>
- Nguyễn Duy Lượng (2020). Phát triển kinh tế trang trại: Cần đồng bộ các giải pháp. *Tạp chí Kinh tế nông thôn*. <https://kinhtenongthon.vn/phan-trien-kinh-te-trang-trai-can-dong-bo-cac-giai-phap-post33033.html>
- Nguyen, H. (2014). *The effect of land fragmentation on labor allocation and the economic diversity of farm households: The case of Vietnam* (No. 57643). University Library of Munich, Germany. <https://mpira.ub.uni-muenchen.de/id/eprint/57521>
- Nguyễn Lan Duyên (2014). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, 3(2), 63-69.
- Nhan Sinh (2018). Hoà Bình nhân rộng mô hình dồn điền, đổi thửa. *Báo ảnh Dân tộc và Miền núi*. <https://dantocmiennui.vn/xa-hoi/hoa-binh-nhan-rong-mo-hinh-don-dien-doi-thua/193189.html>

- Sargent, F. O. (1952). Fragmentation of French land: Its nature, extent, and causes. *Land Economics*, 28(3), 218-229. <https://doi.org/10.2307/3159514>
- Sikor, T., Müller, D., & Stahl, J. (2009). Land fragmentation and cropland abandonment in Albania: Implications for the roles of state and community in post-socialist land consolidation. *World Development*, 37(8), 1411-1423. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2008.08.013>
- Simmons, A. J. (1964). *An index of farm structure with a Nottinghamshire example*. Department of Geography University of Nottingham.
- Sở NN&PTNN An Giang (2017). Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch Cánh đồng lớn lúa, nếp năm 2017. <https://media.angiang.gov.vn/CHAUDOC-PORTAL/Thong-Bao/2017/t5/QD-UBND.pdf>
- Thế Bình (2018). Hiệu quả bước đầu khi dồn điền đổi thửa ở Thái Nguyên. *Báo Nhân dân*, <https://nhandan.org.vn/kinhte/item/37970702-hieu-qua-buoc-dau-khi-don-dien-doi-thua-o-thai-nguyen.html>
- Tổng cục Thống kê (2010). *Giải thích thuật ngữ, nội dung và phương pháp tính một số chỉ tiêu thống kê mức sống dân cư*. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-dac-ta/2019/10/giai-thich-thuat-ngu-noi-dung-va-phuong-phap-tinh-mot-so-chi-tieu-thong-ke-muc-song-dan-cu/>
- Tran, T. Q., & Van Vu, H. (2019). Land fragmentation and household income: First evidence from rural Vietnam. *Land Use Policy*, 89(C), 104247, 1-8. <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2019.104247>
- Trường Giang (2019). *Gỡ vướng về đất để phát triển nông nghiệp công nghệ cao*. <https://baotainguyenmoitruong.vn/go-vuong-ve-dat-de-phat-trien-nong-nghiep-cong-nghe-cao-293376.html>
- Yang, D. (2004). Education and allocative efficiency: Household income growth during rural reforms in China. *Journal of Development Economics* 74, 137-162. <https://doi.org/10.1016/j.jdeveco.2003.12.007>
- Yu, J., & Zhu, G. (2013). How uncertain is household income in China. *Economics Letters*, 120(1), 74-78. <https://doi.org/10.1016/j.econlet.2013.03.011>